TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **85**/2020/QĐST - HNGĐ	*Đống Đa, ngày 27 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 108/2020/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; Địa chỉ: PĐL, phường LT, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội;

- Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1983; Địa chỉ: PĐL, phường LT, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị T chung sống với nhau từ đầu năm 2003 đến ngày 12/12/2003 thì làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường KT, quận ĐĐ, Thành phố Hà Nội. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu.

Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống. Cuộc sống chung không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay anh T và chị T cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh T và chị T có 02 con chung là: Nguyễn Văn A (nam), sinh ngày 16/5/2003; Nguyễn Văn K (nam), sinh ngày 06/3/2011. Anh chị thống nhất: ly hôn, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Chị T cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng đối với hai con.

[3] Về tài sản chung: Anh T và chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ: Anh T và chị T xác nhận không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh T và chị T thống nhất để anh T chịu cả 300.000đồng - lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Xét thấy: Các thỏa thuận trên của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa **Anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị T**;

- **Về con chung**: Xác nhận anh T và chị T có 02 con chung là Nguyễn Văn A (nam), sinh ngày 16/5/2003; Nguyễn Văn K (nam), sinh ngày 06/3/2011. Giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Chị T cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/ tháng đối với mỗi cháu. Việc cấp dưỡng được thực hiện từ tháng 3/2020 cho đến khi hai cháu A, K đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung**: Anh T và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- **Về nợ**: Anh T và chị T xác nhận không có nợ chung nên không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của anh T và chị T để anh T chịu cả tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình. Anh T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng lệ phí tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009893 ngày 18/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa. Anh T đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND quận Đống Đa;
- Các đương sự;
- UBND p.KT, q.ĐĐ, Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Tú